

Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT
Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm, gói thầu

- Dự án/Dự toán mua sắm: Mua sắm vật tư tiêu hao phục vụ công tác đại tu tổ máy GT21 PM2.1.
- Thời gian thực hiện dự án: Dự kiến từ tháng 2/2026.
- Tên gói thầu: Cung cấp vật tư tiêu hao phục vụ công tác đại tu tổ máy GT21 PM2.1.
- Địa điểm cung cấp hàng hóa: Hàng đã được bốc dỡ khỏi phương tiện vận chuyển và giao tại Kho vật tư của Chủ đầu tư tại Khu công nghiệp Phú Mỹ 1, Phường Phú Mỹ, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Thời gian thực hiện gói thầu (được tính từ ngày hợp đồng có hiệu lực cho đến ngày nghiệm thu hoàn thành công việc): Trong vòng 71 ngày lịch kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; trong đó thời gian giao hàng và chứng từ kèm theo đạt yêu cầu trong vòng 56 ngày lịch kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
1	Bàn chải thau có cán 7 hàng	Cái	122
2	Bạt nylon màu 4x6m, dày 0,5mm (mặt xanh/mặt vàng, xung quanh có bấm lỗ để buộc dây)	Tám	17
3	Bạt nylon màu 6x10m, dày 0,5mm (mặt xanh/mặt vàng, xung quanh có bấm lỗ để buộc dây)	Tám	4
4	Băng keo dính hạ thế 20m, NSX: 3M Hoặc tương đương	Cuộn	57
5	Béc cắt plasma P80, 1.5m (bao gồm béc cắt và chụp béc cắt, lỗ béc cắt 1,5mm); NSX: Sunshine Hoặc tương đương	Bộ	20
6	Bịch đựng rác loại dẻo 0,5 Kg/Cuộn	Kg	24
7	Bình châm nhót Kapusi 250ml	Cái	20
8	Bột giặt OMO (01Kg/bịch) Hoặc tương đương	Kg	35
9	Cọ son lăn 200mm; NSX: Việt Mỹ Hoặc tương đương	Cái	27
10	Cồn công nghiệp	Lít	20
11	Chai thấm lỏng (Penetrant) SKL-SP2, 300gr/400ml NSX: Magnaflux Hoặc tương đương	Chai	12
12	Dầu hỏa (có can)	Lít	200
13	Dầu nhả sét RP7 (493ml)	Chai	240
14	Dây dù xanh bán rộng 1,5cm	Mét	100
15	Dây dù Φ 6mm (màu xanh có độ bền cao)	Mét	100

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
16	Dây điện đôi mềm Cadivi 2x2.5mm Hoặc tương đương	Mét	100
17	Dây Inox mềm đk 1 mm (01Kg/Cuộn)	Kg	11
18	Đá cắt Inox Ø100xØ16x1,6mm NSX: Sunflex Hoặc tương đương	Viên	100
19	Đá cắt Inox Ø125xØ22,23x1,6mm NSX: Sunflex Hoặc tương đương	Viên	370
20	Đá cắt Inox Ø180xØ22,23x3mm NSX: Sunflex Hoặc tương đương	Viên	100
21	Đồ bảo hộ bảo ôn DUPONT TYVEK TY127SWHSM002500 Hoặc tương đương	Bộ	90
22	Đuôi chôn thau đk 10mm	Cái	10
23	Đuôi chôn thau đk 15mm	Cái	10
24	Đuôi chôn thau đk 30mm	Cái	10
25	Găng tay cao su mềm chịu dầu (Super- Nitrile- RNF 15)	Đôi	85
26	Găng tay chống cắt 3M cấp độ 3Hoặc tương đương	Đôi	80
27	Găng tay đa dụng 3M Size: M màu xám; công nghệ Micro Porous & Nitrile rubber Hoặc tương đương	Đôi	590
28	Kem đánh bóng Cana Loại hộp: 100g/hộp Hoặc tương đương	Hộp	11
29	Keo dán Epoxy A-B AralditeE 90PH (QUICK EPOXY) Hoặc tương đương	Bộ	22
30	Keo Silicon chịu nhiệt 650°F (650°F Màu đỏ- 85 gram)	Tuýp	91
31	Kẹp kim hàn tig (collet) 2.4mm NSX: Hanto Hoặc tương đương	Cái	25
32	Kim hàn Vonfram 2.4mm; NSX: BERLIN Hoặc tương đương	Hộp	4
33	Mỡ bôi trơn ô bi SKF LMG T 3/1 (01Kg/Hộp) Hoặc tương đương	Kg	7
34	Mỡ Molykote P37 1400 độ C 500g/Hộp, NSX: Dow Corning (Dupont) Hoặc tương đương	Hộp	23
35	Mỡ tiếp xúc PENETROX BURNDY TM A13 4 OZ Hoặc tương đương	Tuýp	3
36	Mũi khoan hợp kim Nachi SGESS List no. 7572P Ø4 mm Hoặc tương đương	Cái	10
37	Mũi khoan hợp kim Nachi SGESS List no. 7572P Ø7 mm Hoặc tương đương	Cái	4
38	Mũi khoan hợp kim Nachi SGESS List no. 7572P Ø8 mm	Cái	4

Stt	Danh mục hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng
	Hoặc tương đương		
39	Ống nhựa Ø21 (Ống nước màu xanh)	Mét	50
40	Pin AAA 1.5V NSX: Panasonic Hoặc tương đương	Cặp	58
41	Que hàn điện 308 - 2.6 mm (02Kg/Hộp); NSX: Kobelco Hoặc tương đương	Kg	10
42	Que hàn điện 308 - 3.2 mm (02Kg/Hộp); NSX: Kobelco Hoặc tương đương	Kg	15
43	Que hàn điện LB52 - 3.2 mm (05Kg/Hộp); NSX: Kobelco Hoặc tương đương	Kg	50
44	Keo silicon Apolo A500 màu trắng trong (25 chai/1 thùng) Hoặc tương đương	Chai	110
45	Sơn chịu nhiệt Seamaster, 600oC - 6006, màu bạc (5 lít/lon) Hoặc tương đương	Lon	7
46	Sơn xám Expo 910 (3 lít/lon)Hoặc tương đương	Lon	6
47	Sùi cán dài 500mm mã 3SD10; NSX: Thanh Bình Hoặc tương đương	Cái	13
48	Dung dịch thinner (có can)	Lít	300
49	Vít bắn tôn mạ kẽm nhúng nóng BTEKS 12-14X30HWFS, Đầu vặn lục giác 8, có lưỡi khoan Ø5,5x30mm (bịch 500 con)	Bịch	8
50	Vít bắn tôn mạ kẽm nhúng nóng BTEKS 12-14X40HWFS, Đầu vặn lục giác 8, có lưỡi khoan Ø5,5x40mm (bịch 500 con)	Bịch	3
51	Vòng siết ống inox có bu lông ĐK 20	Cái	15

Ghi chú: Nhà thầu cần lưu ý các nội dung sau:

- Đối với các trường hợp quy định "hoặc tương đương" nhà thầu có thể chào loại có tính năng sử dụng tương đương hoặc tốt hơn loại yêu cầu nhưng phải đảm bảo phù hợp với nhu cầu sử dụng của chủ đầu tư. Nhà thầu phải cung cấp tài liệu kỹ thuật, các chứng chỉ cần thiết, có bảng phân tích đặc tính kỹ thuật tương đương giữa mặt hàng yêu cầu và mặt hàng được chọn thay thế để chứng minh hàng do nhà thầu chào đáp ứng yêu cầu của Chủ đầu tư.
- Hàng hóa có quy cách tương đương là hàng hóa có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng tương đương với loại hàng hóa đã nêu.

1.3. Các yêu cầu khác

1.3.1. Chất lượng hàng hóa và tiêu chuẩn kỹ thuật:

Nhà thầu cam kết:

- Hàng mới 100% theo tiêu chuẩn kỹ thuật của Nhà sản xuất.
- Hàng hoá được bảo quản theo tiêu chuẩn của Nhà sản xuất.
- Đối với hóa chất, keo có hạn sử dụng ≥ 6 tháng kể từ ngày giao hàng.
- Đối mỡ được sản xuất không quá 12 tháng tính đến ngày giao hàng.

1.3.2. Tính hợp lệ của hàng hoá:

* Về xuất xứ hàng hóa: Nhà thầu chào hàng hóa phải có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng. Xuất xứ được hiểu là Quốc gia (Nước) hoặc nhóm nước hoặc vùng lãnh thổ. Trường hợp nhà thầu chào không có xuất xứ cụ thể E-HSMT của nhà thầu sẽ không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Mục 3 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật của E-HSMT.

* Về nhãn hiệu, hãng sản xuất: Trường hợp hàng hóa chào không nêu rõ nhãn hiệu hoặc hãng sản xuất thì hàng hóa đó không đáp ứng yêu cầu theo quy định tại khoản 1 Mục 3 Chương III. Tiêu chuẩn đánh giá kỹ thuật của E-HSMT.

Tất cả hàng hóa được coi là hợp lệ nếu có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp. Vì vậy, nhà thầu phải nêu rõ hàng hóa được chào hàng do hãng sản xuất nào cung cấp, nguồn gốc xuất xứ của hàng hóa và cam kết cung cấp các chứng từ chứng minh tính hợp lệ của hàng hóa trong trường hợp nhà thầu trúng thầu và ký hợp đồng cung cấp chính thức bao gồm:

- Tài liệu, bản vẽ kỹ thuật hoặc hướng dẫn sử dụng của nhà sản xuất.
- Chứng chỉ xuất xứ do cơ quan có thẩm quyền nước sản xuất/xuất khẩu cấp (nếu là hàng nhập khẩu): *Bản gốc hoặc bản liên 2 (bản đóng dấu "Copy" của cơ quan có thẩm quyền cấp) hoặc bản điện tử được phát hành hợp lệ hoặc bản sao y được công chứng bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của nhà thầu - áp dụng đối với các hạng mục: 1-5, 7, 9, 11, 13-39, 41-47, 48-50;*
- Chứng chỉ chất lượng (hoặc chứng chỉ khác có giá trị tương đương) do Nhà sản xuất/Văn phòng đại diện của Nhà sản xuất cấp: *Bản gốc hoặc bản điện tử được phát hành hợp lệ hoặc bản sao y được công chứng bởi cơ quan có thẩm quyền hoặc bản sao có đóng dấu xác nhận của nhà thầu - áp dụng đối với các hạng mục: 1-5, 7, 9, 11, 13-39, 41-47, 48-50.*
- Tờ khai hải quan và bảng liệt kê chi tiết hàng hóa đính kèm (nếu là hàng nhập khẩu): *Bản sao đóng dấu nhà thầu, có thể hiện đầy đủ thông tin số tờ khai - áp dụng đối với các hạng mục: 1-5, 7, 9, 11, 13-39, 41-47, 48-50.*
- Chứng từ đã nộp thuế nhập khẩu và/hoặc thuế giá trị gia tăng do cơ quan chức năng phát hành (nếu có) nếu là hàng nhập khẩu.
- Giấy bảo hành hàng hóa: *Bản gốc - áp dụng đối với các hạng mục: 1-5, 7, 9, 11, 13-39, 41-47, 49-51.*

1.3.3. Bảo hành hàng hoá

- Thời gian bảo hành: Tối thiểu 06 tháng kể từ ngày có biên bản nghiệm thu hàng đạt yêu cầu - ***đối với các hạng mục: 1-5, 7, 9, 11, 13-39, 41-47, 49-51.***
- Địa điểm bảo hành: Tại địa điểm giao hàng.

Mục 2. Bản vẽ

E-HSMT này gồm có các bản vẽ trong danh mục sau đây: Không có bản vẽ.